

Bản án số: 44/2021/HS-ST
Ngày: 29-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Tùng – Phó hiệu trưởng Trường trung học cơ sở Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà Đoàn Thị Ngọc Hiệp – Bí thư huyện đoàn huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Minh Quế – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn T Q (Q), sinh năm: 1999 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 14 khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm phụ hồ; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1976 và Lê Thị Ngọc T, sinh năm: 1983; Gia đình bị cáo có 02 anh em; bị cáo là con đầu trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 27/5/2021 (Có mặt).

- ***Bị hại:*** Cháu Nguyễn Thị T N, sinh ngày 26/3/2007 (Có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 6 khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh B.

- ***Người đại diện hợp pháp của bị hại:***

+ Bà Nguyễn Thị C L, sinh năm 1986 (Có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 6 khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh B.

- ***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:*** Bà Hồ Thị H – Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 9 năm 2020, qua mạng xã hội Facebook Nguyễn T Q (tên gọi khác: Q; sinh năm: 1999) đã sử dụng nick name “Trần Hoài B” kết bạn, nhắn tin làm quen với Nguyễn Thị T N (tên gọi khác: My; sinh ngày: 26/3/2007) có nick name “T”. Một tuần sau khi làm quen (không nhớ rõ ngày), lúc 13 giờ cả hai đã hẹn nhau gặp mặt, Q chở N đi chơi, ăn uống sau đó cả hai về nhà Q tại khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh B chơi. Tại đây, Q và N đi vào phòng ngủ lên nệm nằm nói chuyện, Q ôm N rồi dùng tay cởi quần áo của N, sau đó Q tự cởi quần áo của mình và thực hiện việc giao cấu với N. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Q chở N đi về nhà N. Trong thời gian quen nhau cứ 7 đến 10 ngày, Q và N hẹn gặp nhau đi ăn uống rồi về nhà Q chơi, Q đã 07 lần thực hiện hành vi giao cấu với N tại phòng ngủ nhà Q khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh B. Cả hai quen nhau đến tháng 12 năm 2020 thì chia tay, bà Nguyễn Thị C L (sinh năm: 1986; trú tổ 6 khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh B) – là mẹ của N phát hiện N có nhiều biểu hiện lạ và mệt mỏi nên hỏi N thì N thừa nhận có quan hệ tình dục với Nguyễn Thanh Q. Ngày 26/01/2021, bà L trình báo sự việc đến Cơ quan Công an. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đất Đỏ, Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như vừa nêu trên (Bút lục số 64 đến bút lục 95). Lời khai nhận tội của Q phù hợp với lời khai của bị hại Nguyễn Thị T N tại các bút lục từ số 96 đến bút lục số 111.

Đối với 02 điện thoại mà Q và N dùng liên lạc, nhắn tin cho nhau, hiện đã bị mất nên Cơ quan Công an không thu giữ được.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 49/TD ngày 01/3/2021 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kết luận: “Không có dấu sây sát da hay bầm tím trên cơ thể và vùng bẹn đùi hai bên; Màng trinh giãn rộng, không thấy vết rách cũ và mới; Không có sự hiện diện tinh trùng trong dịch âm đạo; Hiện tại cháu Nguyễn Thị Thanh N không có thai”. (BL 35 đến 39).

*** Trách nhiệm dân sự:**

Trong quá trình điều tra, truy tố Nguyễn Thị T N và bà Nguyễn Thị C L không yêu cầu Q bồi thường về trách nhiệm dân sự. (BL 116)

Tại bản Cáo trạng số 51/CT-VKS ngày 17/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ đã truy tố bị cáo Nguyễn T Q về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố sau khi tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145; điểm **s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50** Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn T Q **tù 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: cháu Nguyễn Thị T N và bà Nguyễn Thị C L yêu cầu bị cáo Q bồi thường về trách nhiệm dân sự là 15.000.000 đồng.**

Tại bài phát biểu bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại, Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đồng ý về tội danh và điều luật mà đại diện Viện kiểm sát truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường số tiền là 15.000.000 đ cho bị hại.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đất Đỏ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, **bị cáo, bị hại, người làm chứng, không** người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của **bị hại, người làm chứng và phù hợp** với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở **xác định**: Từ khoảng tháng 9 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020, tại phòng ngủ trong nhà của Nguyễn T Q ở tổ 14, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh B, Q đã 07 lần thực hiện hành vi giao cấu với Nguyễn Thị T N (sinh ngày 26/3/2007), tại thời điểm giao cấu, N chưa đủ 16 tuổi. Hành vi của bị cáo Nguyễn T Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

[3] Xét thấy, Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến sức khỏe, gây ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tâm, sinh lý và sự phát triển bình thường về nhân cách của bị hại, còn gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân, gây tâm lý hoang mang và làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Hiện nay Nhà nước đang tuyên truyền, giáo dục và đấu tranh để bảo vệ quyền lợi của trẻ em trước những hành vi xâm hại tình dục nhưng bị cáo vẫn bất chấp để thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy cần có hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm tạo điều kiện cho bị cáo được giáo dục, học tập và phấn đấu để trở thành người tốt hơn, biết tôn trọng pháp luật đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra, xét xử vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên xem xét áp dụng **điểm s khoản 1 Điều 51** Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Không.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, Cháu Nguyễn Thị T N và bà Nguyễn Thị C L yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự số tiền là 15.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn T Q (Q) phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt:

Nguyễn T Q(Q) 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Q bồi thường cho Châu Nguyễn Thị T N và bà Nguyễn Thị C L số tiền là 15.000.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn T Q(Q) phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều: 331, 333, 336 và Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án (**Ngày 29/9/2021**); đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV 27 – Công an tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Công an huyện Đất Đỏ;
- Chi cục huyện Đất Đỏ;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

Châu Nguyễn Xuân Thu